

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST

Ngày: 21 - 10 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Duy.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Khoát và bà Nguyễn Thị Chương.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Chính – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-KDTM ngày 12/6/2024 về việc kiện “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số 16/2024/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: 117 Quang T, thành phố V, tỉnh N. Đại diện theo pháp luật: Bà Thái H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Văn M – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Hà Nam. Địa chỉ: Tổ 1, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (văn bản uỷ quyền số 220/QĐ-TGD ngày 07/3/2022). Ông Đinh Văn M uỷ quyền lại cho ông Lê Lưu L – Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Hà Nam. Địa chỉ: Tổ 1, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (văn bản uỷ quyền số 275/2023/UQ-CN ngày 14/8/2023).

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH Thương mại và Du lịch A.

Địa chỉ trụ sở: Số 236, đường Lý T, phường Lê H, thành phố P, tỉnh H. Đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Hồng N, sinh năm 1988; Chức vụ: Giám đốc.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Tiến Th, sinh năm 1985. Nơi ĐKNKTT: Số 165 Giải Phóng, phường L, thành phố Nam Đ, tỉnh N (nay là 112 đường Giải Phóng, phường Lộc Hoà, thành phố Nam Đ, tỉnh N); chỗ ở: Số 236, đường L, phường Lê H, thành phố P, tỉnh H.

(Phiên tòa có mặt đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 12/11/2019, Ngân hàng TMCP B ký hợp đồng tín dụng số 01-161/2019/HĐTD cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch A vay số tiền 460.000.000đ, mục đích vay mua xe ô tô con để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, ưu đãi trong 09 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân; từ tháng thứ 10 đến tháng thứ 18 lãi suất áp dụng 10%/năm; từ tháng thứ 19 trở đi lãi suất vay điều chỉnh 03 tháng một lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn. Mỗi tháng Công ty TNHH thương mại và du lịch An trả tiền gốc và lãi là 7.700.000đ vào ngày 25 hàng tháng kể từ tháng 12/2019, kỳ hạn cuối cùng là ngày 12/11/2024 trả 5.700.000đ. Phương thức giải ngân: Ngân hàng TMCP B chuyển tiền vào tài khoản số 0901000008888 tại Vietcombank – CN Hà Nam chủ tài khoản Công ty TNHH MTV Tr – Hà N số tiền 460.000.000đ (là bên bán xe ô tô cho Công ty TNHH thương mại và du lịch A). Công ty TNHH thương mại và du lịch A ký khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP B số tiền 460.000.000đ ngày 12/11/2019.

Để bảo đảm cho khoản vay trên: Công ty TNHH thương mại và Du lịch A thế chấp chiếc xe ô tô con CERATO1.6 nhãn hiệu KIA 05 chỗ ngồi, màu sơn trắng, biển kiểm soát 90A-097..., số khung RNYBC41A6KC168..., số máy G4GKH7366..., sản xuất năm 2019 nước sản xuất Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký số 0211... mang tên Công ty TNHH thương mại và Du lịch A. Hợp đồng thế chấp số 01-161/2019/HĐTC .350 ngày 12/11/2019 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội ngày 12/11/2019 (thời điểm ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp xe ô tô, khế ước nhận nợ ông Lê Tiến Th là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại và du lịch A, đến tháng 9 năm 2021 thay đổi đại diện theo pháp luật là bà Trương Thị Hồng N).

Quá trình thực hiện hợp đồng: Kể từ khi vay đến ngày 25/6/2020 Công ty TNHH thương mại và Du lịch A thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ, sau đó do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 nên Công ty TNHH thương mại và du lịch A được Ngân hàng TMCP B cơ cấu hoãn trả nợ gốc mà chỉ trả tiền lãi hàng tháng và được hỗ trợ cơ cấu lại thời gian trả nợ gốc 03 lần. Tính đến ngày 23/8/2022 Công ty TNHH thương mại và du lịch A đã trả Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là 226.711.462đ, trong đó nợ gốc là 138.362.489đ, lãi là 88.348.964đ, sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP B đã có văn bản đôn đốc Công ty TNHH thương mại và du lịch A trả nợ nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng TMCP B đề nghị Toà án xem xét giải quyết các yêu cầu cụ thể:

1. Buộc Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng số 01- 161/2019/HĐTD- ký ngày 12/11/2019. Tính đến ngày 20/5/2024 với tổng số tiền là 435.325.271đ kể từ

ngày 24/8/2022, trong đó nợ gốc trong hạn là 69.366.000đ, nợ gốc quá hạn là 252.271.502đ, lãi trong hạn là 55.732.067đ, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi là 57.955.702đ. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty TNHH thương mại và du lịch A thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng TMCP B.

2. Trường hợp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với 01 xe ô tô BKS 90A – 097... mang tên Công ty TNHH Thương mại và Du lịch A theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 01- 161/2019/HĐTC.350 ký ngày 12/11/2019 để bảo đảm thu hồi nợ.

3. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng thì buộc Công ty TNHH thương mại và du lịch A tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán xong khoản vay.

\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt toàn bộ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

\* Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Lê Lưu L xuất trình thông báo nợ quá hạn, theo đó số tiền mà Công ty TNHH thương mại và du lịch A còn nợ Ngân hàng TMCP B tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/10/2024) là 457.742.409đ; trong đó: nợ gốc trong hạn là 19.846.000đ, nợ gốc quá hạn là 301.791.502đ, lãi trong hạn là 57.494.467đ, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 78.610.260đ. Ông Lê Lưu L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, chỉ bổ sung về số liệu tiền lãi trong hạn, quá hạn theo thỏa thuận đã ký trong khế ước nhận nợ đôi bên đã ký.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghỉ nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến nay đều thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

- Buộc Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/10/2024) là 457.742.409đ;

trong đó: nợ gốc trong hạn là 19.846.000đ, nợ gốc quá hạn là 301.791.502đ, lãi trong hạn là 57.494.467đ, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 78.610.260đ.

Ngoài ra Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP B theo thoả thuận đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH thương mại và du lịch A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là chiếc xe ô tô BKS 90A-097.. để thu hồi nợ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định: Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H và Công ty TNHH thương mại và du lịch A, mục đích vay là mua xe ô tô con để phục vụ hoạt động kinh doanh và có mục đích lợi nhuận; trụ sở Công ty và tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô BKS 90A-097.... mang tên Công ty TNHH thương mại và du lịch A đều ở thành phố P nên đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh H theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có Công văn gửi Công an phường Lộc Hoà, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định về việc đăng ký thường trú và tạm trú đối với anh Lê Tiên Th, kết quả: Từ năm 2016 đến nay anh Lê Tiên Th không sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú mà sinh sống tại nơi tạm trú tại: Số 236, đường Lý T, tổ 3, phường Lê H, thành phố P tỉnh H. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại địa chỉ số 236, đường Lý Th, thành phố P, tỉnh H thông qua gia đình anh Lê Tiên Th và chị Trương Thị Hồng N, (chị N là đại diện theo pháp luật của bị đơn), tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà mở lần thứ hai bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên toà. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về Hợp đồng tín dụng: Ngày 12/11/2019 Ngân hàng TMCP B và Công ty TNHH và thương mại du lịch A ký Hợp đồng tín dụng số 01- 161/2019/HĐTD-.

Ngân hàng TMCP B đã giải ngân số tiền 460.000.000đ được thể hiện tại khế ước nhận nợ ngày 12/11/2019. Hội đồng xét xử thấy hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đều có nội dung thoả thuận về số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Do xác định là hợp đồng hợp pháp, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Hợp đồng tín dụng số 01 -161/2019/HĐTD và khế ước nhận nợ cùng ngày 12/11/2019 quy định lịch trả nợ gốc, lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 23/8/2022 Công ty TNHH thương mại và du lịch A đã trả được tổng số tiền là 226.711.462đ, trong đó nợ gốc là 138.362.489đ, lãi là 88.348.964đ. Kể từ ngày 24/8/2022 Công ty TNHH thương mại và du lịch A vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 21/10/2024 Công ty TNHH thương mại và du lịch A còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền 457.742.409đ; trong đó: nợ gốc trong hạn là 19.846.000đ, nợ gốc quá hạn là 301.791.502đ, lãi trong hạn là 57.494.467đ, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 78.610.260đ.

Như vậy, Công ty TNHH thương mại và du lịch A đã vi phạm Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 01 -161/2019/HĐTD ký ngày 12/11/2029 mà hai bên đã ký kết về thời hạn và phương thức trả nợ. Việc Ngân hàng TMCP B yêu cầu Công ty TNHH thương mại và du lịch A thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/10/2024) là 457.742.409đ; trong đó: nợ gốc trong hạn là 19.846.000đ, nợ gốc quá hạn là 301.791.502đ, lãi trong hạn là 57.494.467đ, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 78.610.260đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

### [3.2] Về Hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay ở trên: Công ty TNHH thương mại và du lịch B và Ngân hàng TMCP B đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 01 -161/2019/HĐTC .350 ngày 12/11/2019, tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô con CERATO 1.6AT 1.6, nhãn hiệu KIA, 05 chỗ ngồi, màu sơn trắng Biển kiểm soát 90A – 097... mang tên Công ty TNHH thương mại và Du lịch A được công chứng tại Văn phòng công chứng L và đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố H.

Xét thấy các bên ký kết hợp đồng thế chấp xe ô tô nêu trên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 phía nguyên đơn đã tạo điều kiện để bị đơn được hoãn trả nợ gốc mà chỉ phải trả lãi hàng tháng và được hỗ trợ cơ cấu lại thời gian trả nợ gốc nhưng vẫn không trả nợ đúng hạn. Quá trình giải quyết *không xác định được chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 90A – 098.... là tài sản thế chấp đang ở đâu tại thời điểm tranh chấp cũng không làm vô hiệu hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.* Do đó, Ngân hàng TMCP B yêu cầu xử lý tài sản thế

chấp trong trường hợp Công ty TNHH thương mại và du lịch A không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 299 và 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu khác: Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đôi bên đã ký kết thì Công ty TNHH thương mại và du lịch A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B. Xét yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điểm 5.5 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 01-161/2019/HĐTD.350 ngày 12/11/2019 mà các bên đã ký kết nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu bị đơn Công ty TNHH thương mại và du lịch A tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc từ ngày xét xử cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ và chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ lãi chưa thanh toán; yêu cầu này phù hợp với quy định trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà đôi bên đã thoả thuận tự nguyện giao kết và phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng. Đối chiếu với hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất thì yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000đ và đã chi phí hết nên bị đơn Công ty TNHH thương mại và du lịch A có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền 5.000.000 đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí; bị đơn Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 146, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với Công ty TNHH thương mại và du lịch A, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/10/2024) là 457.742.409đ; trong đó: nợ gốc trong hạn là 19.846.000đ, nợ gốc quá hạn là 301.791.502đ, lãi trong hạn là 57.494.467đ, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 78.610.260đ.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền dư nợ gốc chưa thanh toán và tiền lãi chậm trả đối với số tiền dư nợ lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP B với Công ty TNHH thương mại và du lịch A lập ngày 12/11/2019.

3/ Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty TNHH thương mại và du lịch A không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp đối với 01 chiếc xe ô tô con CERATO 1.6, nhãn hiệu KIA, 05 chỗ ngồi, màu sơn trắng, số khung RNYBC41A6KC168..., số máy G4GKH7366..., biển kiểm soát 90A-097.... mang tên Công ty TNHH thương mại và du lịch A.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng TMCP B còn thiếu thì Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ phần còn thiếu và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 01-161/2019/HĐTD ngày 12/11/2019 mà đôi bên đã ký kết cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty TNHH thương mại và du lịch A có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP B là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

5/ Bác các yêu cầu khác của đương sự.

6/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH thương mại và du lịch A phải nộp 22.309.696đ làm tròn thành 22.310.000đ (hai mươi hai triệu ba trăm mười nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.034.000đ (mười hai triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0000419 ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh H.

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh H;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Duy**